



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**MILINDAPAÑHAPĀḶI**

**&**

**MILINDA VẤN ĐẠO**

## 2. DUKKARAKĀRIKĀPAÑHO

1. “**Bhante nāgasena sabbeva bodhisattā dukkarakārikam karonti? Udāhu gotameneva bodhisattena dukkarakārikā katā**”ti?

“Natthi mahārāja sabbesam bodhisattānam dukkarakārikā. Gotameneva bodhisattena dukkarakārikā katā”ti.

“Bhante nāgasena yadi evam ayuttam yam bodhisattānam bodhisattehi vemattatā hoti”ti.

“Catūhi mahārāja ṭhānehi bodhisattānam bodhisattehi vemattatā hoti. Katamehi catūhi? Kulavemattatā, addhānavemattatā,<sup>1</sup> āyuvemattatā, pamāṇavemattatā. Imehi kho mahārāja catūhi ṭhānehi bodhisattānam bodhisattehi vemattatā hoti. Sabbesampi mahārāja buddhānam rūpe sīle samādhimhi paññāya vimuttiyā vimuttiñāṇadassane catuvesārajje dasatathāgatabale cha-ḷ-asādhāraṇāñāṇe cuddasabuddhāñāṇe aṭṭhārasa-buddhadhamme kevale ca buddhagūṇe<sup>2</sup> natthi vemattatā. Sabbe ’pi buddhā buddhadhammehi samasamā”ti.

2. “Yadi bhante nāgasena, sabbe ’pi buddhā buddhadhammehi samasamā, kena kāraṇena gotameneva bodhisattena dukkarakārikā katā”ti?

“Aparipakke mahārāja ñāṇe aparipakkāya bodhiyā gotamo bodhisatto nekkhammabhikkhanto. Aparipakkaṃ ñāṇaṃ paripācayamānena dukkarakārikā katā”ti.

“Bhante nāgasena, kena kāraṇena bodhisatto aparipakke ñāṇe aparipakkāya bodhiyā mahābhikkhamanaṃ nikkhanto? Nanu nāma ñāṇaṃ paripācetvā paripakke ñāṇe nikkhamitabban”ti?

“Bodhisatto mahārāja viparītaṃ itthāgāraṃ disvā vippaṭṭisārī ahoṣi, tassa vippaṭṭisāriṣṣa aratī uppajjī. Araticittaṃ uppannaṃ disvā aññataro māra-kāyiko devaputto: ‘Ayaṃ kho kālo araticittassa vinodanāyā’ti vehāse<sup>3</sup> ṭhatvā idaṃ vacanamabrūvi: ‘Mārīsa, mārisa, mā kho tvaṃ ukkaṇṭhito ahoṣi. Ito te sattame divase dibbaṃ cakkaratanaṃ pātubhavissati sahaṣṣāraṃ sanemikaṃ sanābhikaṃ sabbākāraparipūraṃ. Paṭhavigatāni ca te ratanāni ākāsaṭṭhāni ca sayameva upagacchissanti, dvisahassaparittadīpaparivāresu catusu mahādīpesu ekamukhena āṇā pavattissati,<sup>4</sup> parosahassaṅca te puttā bhavissanti sūrā vīraṅgarūpā parasenappamaddanā. Tehi puttehi parikiṇṇo sattaratanasamannāgato catudīpamanusāsissasī’ti.

<sup>1</sup> padhānavemattatā - Ma.

<sup>2</sup> buddhadhamme - PTS, Sīmu.

<sup>3</sup> vehāsaṃ - PTS.

<sup>4</sup> āṇāpanaṃ vattissati - PTS; āṇāpanaṃ cintissati - Sīmu.

## 2. CÂU HỎI VỀ VIỆC HÀNH KHỔ HẠNH:

1. **“Thưa ngài Nāgasena, chính tất cả các đức Bồ Tát đều thực hiện việc hành khổ hạnh, hay là việc hành khổ hạnh đã được chỉ riêng Bồ Tát Gotama thực hiện?”**

“Tâu đại vương, không có việc hành khổ hạnh đối với tất cả các đức Bồ Tát. Việc hành khổ hạnh đã được chỉ riêng Bồ Tát Gotama thực hiện.”

“Thưa ngài Nāgasena, nếu như vậy thì việc có sự khác biệt giữa các vị Bồ Tát với các vị Bồ Tát là không hợp lý.”

“Tâu đại vương, sự khác biệt giữa các vị Bồ Tát với các vị Bồ Tát là bởi bốn sự kiện. Bởi bốn sự kiện nào? Sự khác biệt về dòng dõi, sự khác biệt về khoảng thời gian, sự khác biệt về tuổi thọ, sự khác biệt về kích thước. Tâu đại vương, sự khác biệt giữa các vị Bồ Tát với các vị Bồ Tát là bởi bốn sự kiện này. Tâu đại vương, tất cả các vị Bồ Tát không có sự khác biệt về vóc dáng, về giới, về định, về tuệ, về giải thoát, về trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát, về bốn pháp tự tín, về mười Như Lai lực, về sáu trí không phổ thông (đến các vị Thinh Văn), về mười bốn trí của vị Phật, về mười tám pháp của vị Phật, và toàn bộ các đức hạnh của vị Phật. Tất cả chư Phật đều là đồng đẳng về các pháp của vị Phật.”

2. **“Thưa ngài Nāgasena, nếu tất cả chư Phật đều là đồng đẳng về các pháp của vị Phật, thì vì lý do gì mà việc hành khổ hạnh đã được chỉ riêng Bồ Tát Gotama thực hiện?”**

“Tâu đại vương, khi trí chưa được chín muồi, khi sự giác ngộ chưa được chín muồi thì đức Bồ Tát Gotama đã ra đi theo hạnh xuất ly. Trong khi đang làm chín muồi trí chưa được chín muồi thì đức Bồ Tát đã thực hiện các việc hành khổ hạnh.”

“Thưa ngài Nāgasena, vì lý do gì mà đức Bồ Tát, khi trí chưa được chín muồi, khi sự giác ngộ chưa được chín muồi, lại ra đi theo hạnh xuất ly? Chẳng phải là nên làm chín muồi trí trước, khi trí đã được chín muồi thì sẽ ra đi?”

“Tâu đại vương, đức Bồ Tát sau khi nhìn thấy hậu cung bị lộn xộn, đã có sự hối tiếc, khi vị ấy có sự hối tiếc, sự không còn hứng thú đã khởi lên. Sau khi nhận ra tâm không còn hứng thú đã được sanh khởi, một vị Thiên tử nào đó thuộc nhóm của Ma Vương (nghĩ rằng): ‘Đây quả là lúc để xua đi tâm không còn hứng thú,’ rồi đã đứng ở không trung và nói lời nói này: ‘Thưa ngài, thưa ngài, xin ngài chớ bất mãn. Vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay, bánh xe báu thuộc cõi trời có ngàn căm, có bánh xe, có trục, được đầy đủ mọi bộ phận, sẽ hiện ra cho ngài. Và các báu vật di chuyển ở trên đất và ngự ở trên trời cũng sẽ tự động di chuyển đến với ngài, mệnh lệnh từ miệng của một mình ngài sẽ vận hành ở bốn châu lục và hai ngàn đảo nhỏ phụ thuộc, ngài sẽ có hơn một ngàn con trai, là những dũng sĩ có dáng vóc và chi thể của người anh hùng, có sự nghiên nát đạo quân đối phương. Được tháp tùng bởi những người con trai ấy, được thành tựu bảy báu vật, ngài sẽ lãnh đạo bốn châu lục.’”

Yathā nāma divasasantattaṃ ayosūlaṃ sabbattha upaḍahantaṃ kaṇṇasotaṃ paviseyya. Evameva kho mahārāja bodhisattassa taṃ vacanaṃ kaṇṇasotaṃ pavisittha. Iti so pakatiyā 'va ukkaṇṭhito tassā devatāya vacanena bhiyyosomattāya ubbijji saṃvijji saṃvegamāpajji.

Yathā vā pana mahārāja mahatimahā-aggikkhandho jalamāno aññena katthena upadahito bhiyyosomattāya jaleyya. Evameva kho mahārāja bodhisatto pakatiyā 'va ukkaṇṭhito tassā devatāya vacanena bhiyyosomattāya ubbijji saṃvijji saṃvegamāpajji.

Yathā vā pana mahārāja mahāpaṭhavī pakatitintā nibbataharitasaddalā āsittodakā cikkhallajātā punadeva mahāmeghe abhivaṭṭhe<sup>1</sup> bhiyyosomattāya cikkhallatarā assa. Evameva kho mahārāja bodhisatto pakatiyā 'va ukkaṇṭhito tassā devatāya vacanena bhiyyosomattāya ubbijji saṃvegama-  
pajji "ti.

3. "Api nu kho bhante nāgasena bodhisattassa yadi sattame divase dibbaṃ cakkaratanaṃ nibbatteyya, paṭinivatteyya bodhisatto, dibbe cakkaratane nibbatte "ti?

"Na hi mahārāja sattame divase bodhisattassa dibbaṃ cakkaratanaṃ nibbatteyya, api ca palobhanatthāya tāya devatāya musā bhaṇitaṃ. Yadi 'pi mahārāja sattame divase dibbaṃ cakkaratanaṃ nibbatteyya, bodhisatto na nivatteyya. Kiṃkāraṇā? 'Aniccan 'ti mahārāja bodhisatto daḷhaṃ aggahesi. 'Dukkhaṃ anattā ti daḷhaṃ aggahesi. Upādānakkhayaṃ patto.

Yathā mahārāja anotattadahato udakaṃ gaṅgaṃ nadiṃ pavisati, gaṅgāya nadiyā mahāsamuddaṃ pavisati, mahāsamuddato pātālamukhaṃ pavisati, api nu taṃ udakaṃ pātālamukhato<sup>2</sup> paṭinivattitvā mahāsamuddaṃ paviseyya, mahāsamuddato gaṅgā nadiṃ paviseyya, gaṅgāya nadiyā puna anotattaṃ paviseyyā "ti?

"Na hi bhante "ti.

"Evameva kho mahārāja bodhisattena kappānaṃ satahassaṃ caturo ca asaṅkheyye kusalaṃ paripācitaṃ imassa bhavassa kāraṇā. So 'yaṃ antimabhavo anuppatto, paripakkaṃ bodhiññaṃ, chahi vassehi buddho bhavissati sabbaññū loke aggapuggalo. Api nu kho mahārāja bodhisatto cakkaratanassa kāraṇā paṭinivatteyyā "ti?

"Na hi bhante "ti.

<sup>1</sup> abhivutṭhe - Ma; abhivaṭṭe - PTS.

<sup>2</sup> pātālamukhagataṃ - Ma, PTS.

Tâu đại vương, giống như cái cọc sắt bị đốt lửa nguyên ngày, đang được nung nóng toàn bộ, rồi xuyên vào lỗ tai, tâu đại vương, lời nói ấy đã đi vào lỗ tai của đức Bồ Tát tương tự y như thế. Tóm lại, vị ấy lúc bình thường vốn đã bị bất mãn, vì lời nói của vị Thiên nhân ấy, đã bị dao động, đã bị chấn động, đã đạt đến trạng thái chấn động với mức độ nhiều hơn nữa.

Tâu đại vương, hoặc là giống như khối lửa lớn khổng lồ đang cháy sáng, được bỏ thêm củi khác vào thì có thể cháy sáng thêm hơn nữa. Tâu đại vương, tương tự y như thế đức Bồ Tát lúc bình thường vốn đã bị bất mãn, vì lời nói của vị Thiên nhân ấy, đã bị dao động, đã bị chấn động, đã đạt đến trạng thái chấn động với mức độ nhiều hơn nữa.

Tâu đại vương, hoặc là giống như đại địa cầu, bình thường đã bị ẩm ướt, có những vùng cỏ xanh mới mọc, có nước tưới lên, trở thành lầy lội, có thể trở nên lầy lội hơn với mức độ nhiều hơn khi có cơn mưa lớn lại đổ xuống lần nữa. Tâu đại vương, tương tự y như thế đức Bồ Tát lúc bình thường vốn đã bị bất mãn, vì lời nói của vị Thiên nhân ấy, đã bị dao động, đã bị chấn động, đã đạt đến trạng thái chấn động với mức độ nhiều hơn nữa.”

3. “Thưa ngài Nāgasena, nếu vào ngày thứ bảy bánh xe báu thuộc cõi trời sanh lên cho đức Bồ Tát, có phải khi bánh xe báu thuộc cõi trời được sanh lên thì đức Bồ Tát sẽ quay trở lui lại?”

“Tâu đại vương, bởi vì vào ngày thứ bảy bánh xe báu thuộc cõi trời không sanh lên cho đức Bồ Tát, thì vị Thiên nhân ấy đã nói lời nói dối nhằm khêu gợi lòng tham. Tâu đại vương, nếu vào ngày thứ bảy bánh xe báu thuộc cõi trời sanh lên, thì đức Bồ Tát sẽ không quay trở lui. Vì lý do gì? Tâu đại vương, đức Bồ Tát đã nắm giữ chắc chắn rằng: ‘Là vô thường,’ đã nắm giữ chắc chắn rằng: ‘Là khổ não, là vô ngã,’ đã đạt đến sự cạn kiệt về chấp thủ.

Tâu đại vương, giống như nước từ hồ nước Anotatta chảy vào sông Gaṅgā, từ sông Gaṅgā chảy vào đại dương, từ đại dương đi vào miệng của lòng trái đất, phải chăng nước ấy từ miệng của lòng trái đất có thể quay trở lui lại rồi chảy vào đại dương, từ đại dương chảy vào sông Gaṅgā, từ sông Gaṅgā chảy vào lại hồ Anotatta?”

“Thưa ngài, không thể.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế pháp thiện đã được đức Bồ Tát làm cho chín muồi trong bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp vì lý do của lần hiện hữu này. Vị ấy đấy, có lần hiện hữu sau cùng đã được đạt đến, có trí giác ngộ đã được chín muồi, sau sáu năm sẽ trở thành đức Phật, đấng Toàn Tri, nhân vật cao cả ở thế gian. Tâu đại vương, có phải đức Bồ Tát có thể quay trở lại vì lý do bánh xe báu?”

“Thưa ngài, không thể.”

“Api ca mahārāja mahāpaṭhavi parivatteyya sakānanasapabbatā,<sup>1</sup> natveva bodhisatto paṭinivatteyya appatvā<sup>2</sup> sammāsambodhiṃ. Āroheyyapi ce mahārāja gaṅgāya udakaṃ paṭisotaṃ, natveva bodhisatto paṭinivatteyya appatvā sammāsambodhiṃ. Visusseyyapi ce mahārāja mahāsamuddo aparimitajaladharo gopade udakaṃ viya, natveva bodhisatto paṭinivatteyya appatvā sammāsambodhiṃ. Phaleyyapi ce mahārāja sinerupabbatarājā satadhā vā,<sup>3</sup> natveva bodhisatto paṭinivatteyya appatvā sammāsambodhiṃ. Pateyyumpi ce mahārāja candimasuriyā satārakā leḍḍu viya chamāyaṃ, natveva bodhisatto paṭinivatteyya appatvā sammāsambodhiṃ. Saṃvatteyyapi ce mahārāja ākāso kilañjamiva, natveva bodhisatto paṭinivatteyya appatvā sammāsambodhiṃ. Kiṃkāraṇā? Padālitattā sabbabandhanānaṃ ”ti.

4. “Bhante nāgasena kati loke bandhanāni ”ti?

“Dasa kho paṇimāni mahārāja loke bandhanāni, yehi bandhanehi baddhā sattā na nikkhamanti, nikkhamitvāpi paṭinivattanti.

Katamāni dasa?

Mātā mahārāja loke bandhanaṃ,

Pitā mahārāja loke bandhanaṃ,

Bhāriyā mahārāja loke bandhanaṃ,

Puttā mahārāja loke bandhanaṃ,

Ñāti mahārāja loke bandhanaṃ,

Mittā mahārāja loke bandhanaṃ,

Dhanaṃ mahārāja loke bandhanaṃ,

Lābhasakkāro mahārāja loke bandhanaṃ,

Issariyaṃ mahārāja loke bandhanaṃ,

Pañcakāmaguṇā mahārāja loke bandhanaṃ,

Imāni kho mahārāja dasa loke bandhanāni, yehi bandhanehi baddhā sattā na nikkhamanti, nikkhamitvā ’pi paṭinivattanti.

Tāni dasapi bandhanāni bodhisattassa chinnāni dālitāni<sup>4</sup> padālitāni. Tasmā mahārāja bodhisatto na paṭinivattatī ”ti.

5. “Bhante nāgasena yadi bodhisatto uppanne araticitte devatāya vacanena aparipakke ñāṇe aparikkāya bodhiyā nekkhammamabhinikkhanto, kiṃ tassa dukkarakārikāya katāya? Nanu nāma sabbabhakkhena bhavitabbaṃ ñāṇaparipākāṃ āgamayamānenā ”ti?

“Dasa kho paṇime mahārāja puggalā lokasmiṃ oñātā avaññātā hīlitā khīlitā garahitā paribhūtā acittikatā.

<sup>1</sup> sakānanā sapabbatā - Ma.

<sup>2</sup> apatvā - Ma, PTS, evaṃ sabbattha .

<sup>3</sup> satadhā vā saḥassadhā vā - Ma, PTS.

<sup>4</sup> dālitāni - itisaddo Machasaṃ natthi.

“Tâu đại vương, thêm nữa đại địa cầu với rừng với núi có thể lật ngược lại, nhưng đức Bồ Tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh Đẳng Giác. Tâu đại vương, nếu nước của sông Gangā cũng có thể chảy ngược dòng, nhưng đức Bồ Tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh Đẳng Giác. Tâu đại vương, nếu đại dương, với sự chứa đựng lượng nước vô hạn, cũng có thể khô cạn như là nước ở dấu chân bò, nhưng đức Bồ Tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh Đẳng Giác. Tâu đại vương, nếu núi chúa Sineru cũng có thể đổ vỡ thành trăm mảnh, nhưng đức Bồ Tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh Đẳng Giác. Tâu đại vương, nếu mặt trăng và mặt trời luôn cả các vì sao cũng có thể rơi xuống như là cục đất rơi xuống mặt đất, nhưng đức Bồ Tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh Đẳng Giác. Tâu đại vương, nếu bầu trời cũng có thể cuộn tròn như là chiếc chiếu, nhưng đức Bồ Tát không bao giờ quay trở lại khi chưa đạt được phẩm vị Chánh Đẳng Giác. Vì lý do gì? Vì trạng thái đã được phá vỡ đối với tất cả các sự trói buộc.”

4. “Thưa ngài Nāgasena, có bao nhiêu sự trói buộc ở thế gian?”

“Tâu đại vương, đây là mười sự trói buộc ở thế gian, bị trói buộc bởi những sự trói buộc này chúng sanh không thể ra đi, sau khi ra đi rồi cũng quay trở lui.

Mười sự trói buộc nào?

Tâu đại vương, mẹ là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu đại vương, cha là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu đại vương, vợ là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu đại vương, các con là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu đại vương, thân quyến là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu đại vương, bạn bè là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu đại vương, tài sản là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu đại vương, lợi lộc và sự kính trọng là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu đại vương, quyền uy là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu đại vương, năm loại dục là sự trói buộc ở thế gian.

Tâu đại vương, đây là mười sự trói buộc ở thế gian, bị trói buộc bởi những sự trói buộc này chúng sanh không thể ra đi, sau khi ra đi rồi cũng quay trở lui.

Mười sự trói buộc ấy của đức Bồ Tát đã bị chặt đứt, đã bị tách ra, đã bị phá vỡ. Tâu đại vương, vì thế đức Bồ Tát không quay trở lui.”

5. “Thưa ngài Nāgasena, nếu đức Bồ Tát, khi tâm không còn hứng thú đã được sanh khởi, do lời nói của vị Thiên nhân mà ra đi theo hạnh xuất ly vào lúc trí chưa được chín muồi, vào lúc sự giác ngộ chưa được chín muồi, và do việc hành khổ hạnh đã được thực hiện thì vị ấy có được điều gì? Chẳng lẽ sự chín muồi của trí sẽ được tu tập bởi người đang mong đợi nhờ vào tất cả các loại vật thực?”

“Tâu đại vương, mười hạng người này ở thế gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xỉa đến.

Katame dasa? Itthī mahārāja vidhavā lokasmiṃ oñātā avaññātā hīlitā khīlitā garahitā paribhūtā acittikatā.

Dubbalo mahārāja puggalo,  
 Amittañāti mahārāja puggalo,  
 Mahagghaso mahārāja puggalo,  
 Agarukulavāsiko mahārāja puggalo,  
 Pāpamitto mahārāja puggalo,  
 Dhanahīno mahārāja puggalo,  
 Ācārahīno mahārāja puggalo,  
 Kammahīno mahārāja puggalo.

Payogahīno mahārāja puggalo lokasmiṃ oñāto avaññāto hīlito khīlito garahito paribhūto acittikato.

Ime kho mahārāja dasa puggalā lokasmiṃ oñātā avaññātā hīlitā khīlitā garahitā paribhūtā acittikatā.

Imāni kho mahārāja dasa ṭhānāni anussaramānassa bodhisattassa evaṃ saññā uppajji: ‘Māhaṃ kammahīno assaṃ payogahīno garahito deva-manussānaṃ. Yannūnāhaṃ kammāsāmī assaṃ kammagaru kammādhipateyyo kammāsīlo kammadhoraḥo<sup>1</sup> kammaniketavā appamatto vihareyyan ’ti. Evaṃ kho mahārāja bodhisatto ñāṇaṃ paripācento dukkarakārikaṃ akāsī”ti.

6. “Bhante nāgasena bodhisatto dukkarakārikaṃ karonto evamāha: ‘Na kho panāhaṃ imāya kaṭukāya dukkarakārikāya adhigacchāmi uttari-manussadhammā<sup>2</sup> alamariyaññadassanavisesaṃ. Siyā nu kho añño maggo bodhāyā ’ti? Api nu tasmīṃ samaye bodhisattassa maggaṃ ārabha satisammoso ahoṣī” ti?

“Pañcavīsati kho panime mahārāja cittassa dubbalīkaraṇā dhammā yehi dubbalīkataṃ na sammā samādhīyati āsavānaṃ khayāya.

Katame pañcavīsati? Kodho mahārāja cittassa dubbalīkaraṇo dhammo yena dubbalīkataṃ cittaṃ na sammā samādhīyati āsavānaṃ khayāya, upanāho, makkho, palāso, issā, macchariyaṃ, māyā, sāṭheyyaṃ, thambho, sārambho, māno, atimāno, mado, pamādo, thīnamiddhaṃ, tandī, ālasyaṃ, pāpamittatā, rūpā, saddā, gandhā, rasā, phoṭṭhabbā, khudā, pipāsā, arati mahārāja cittassa dubbalīkaraṇo dhammo yena dubbalīkataṃ cittaṃ na sammā samādhīyati āsavānaṃ khayāya. Ime kho mahārāja pañcavīsati cittassa dubbalīkaraṇā dhammā yehi dubbalīkataṃ cittaṃ na sammā samādhīyati āsavānaṃ khayāya.

<sup>1</sup> kammadhoreyyo - PTS; kammadhoreyyā - Sīmu.

<sup>2</sup> uttarimanussadhammaṃ - Ma.



Mười hạng nào? Tâu đại vương, người nữ là góa phụ ở thế gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xia đến.

Tâu đại vương, người yếu đuối,  
 Tâu đại vương, người không bạn bè và thân quyến,  
 Tâu đại vương, người ham ăn,  
 Tâu đại vương, người chưa sống ở nhà của thầy giáo,  
 Tâu đại vương, người có bạn ác,  
 Tâu đại vương, người thấp kém về tài sản,  
 Tâu đại vương, người thấp kém về tánh hạnh,  
 Tâu đại vương, người thấp kém về nghiệp,

Tâu đại vương, người thấp kém về sự gắng sức ở thế gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xia đến.

Tâu đại vương, đây là mười hạng người ở thế gian bị chê bai, bị khinh thường, bị khi dễ, bị khinh miệt, bị chê trách, bị xem thường, không được đếm xia đến.

Tâu đại vương, trong khi nhớ lại mười trường hợp này, đức Bồ Tát có ý tưởng như vậy đã sanh khởi: “Ta chớ có trở thành người thấp kém về nghiệp, thấp kém về sự gắng sức, bị chư Thiên và loài người chê trách. Có lẽ ta nên trở thành chủ nhân của nghiệp, nên sống có nghiệp là người thầy, có nghiệp là chủ tể, có nghiệp là tập quán, có nghiệp là hành trang, có nghiệp là nhà ở, không được xao lãng.” Tâu đại vương, đức Bồ Tát trong khi làm chín muồi trí đã thực hiện việc hành khổ hạnh như thế.”

6. “Thưa ngài Nāgasena, đức Bồ Tát, trong khi thực hiện việc hành khổ hạnh, đã nói như vậy: ‘Do việc hành khổ hạnh như thế này, ta không chứng đắc các pháp thượng nhân, pháp đặc biệt thuộc về trí tuệ và sự thấy biết xứng đáng bậc Thánh; có thể có đạo lộ khác đưa đến sự giác ngộ?’ Có phải vào lúc ấy đức Bồ Tát đã có sự mất mát về trí nhớ liên quan đến đạo lộ?”

“Tâu đại vương, đây là hai mươi lăm pháp làm tâm yếu đuối, tâm bị chúng làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc.

Hai mươi lăm pháp nào? Tâu đại vương, sự giận dữ làm tâm yếu đuối, tâm bị nó làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc. Tâu đại vương, sự thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, bội bạc, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, kiêu căng, đam mê, xao lãng, đã dười buồn ngủ, uể oải, lười biếng, bạn xấu, các sắc, các thính, các hương, các vị, các xúc, sự đói, sự khát, sự không hứng thú làm tâm yếu đuối, tâm bị nó làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc. Tâu đại vương, đây là hai mươi lăm pháp làm tâm yếu đuối, tâm bị chúng làm yếu đuối không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc.

Bodhisattassa kho mahārāja khuppipipāsā<sup>1</sup> kāyaṃ pariyādiyim̐su, kāye pariyādinne cittaṃ na sammā samādhīyati āsavānaṃ khayāya. Satahassaṃ mahārāja kappānaṃ caturo ca asaṅkheyye kappe bodhisatto catunnaṃ yeva ariyasaccānaṃ abhisamayāṃ anvesi tāsu tāsu jātisū. Kiṃ panassa pacchime bhava abhisamayajātiyaṃ maggaṃ ārabba satisammoso hessati? Api ca mahārāja bodhisattassa saññāmatthaṃ uppajji: ‘Siyā nu kho añño maggo bodhāyā ’ti? Pubbe kho mahārāja bodhisatto ekamāsiko samāno pitu-sakkassa kammante sītāya jambucchāyāya sīrisayane pallaṅkaṃ ābhujitvā nisīno vivicceva kāmehi vivicca akusalehi dhammehi savitakkaṃ savicāraṃ vivekajaṃ pītisukkaṃ paṭhamajjhānaṃ upasampajja vihāsī ”ti.<sup>2</sup>

“Sādhu bhante nāgasena! Evameva tathā sampācchāmi. Nānaṃ paripācento bodhisatto dukkarakārikaṃ akāsī ”ti.

### **Dukkarakārikapañho dutiyo.**

\*\*\*\*\*

---

<sup>1</sup> khudāpipāsā - Ma, PTS.

<sup>2</sup> —pe— catutthajjhānaṃ upasampajja vihāsī ti - Ma, PTS, Simu.

Tâu đại vương, hơn nữa thân thể của đức Bồ Tát đã bị kiệt quệ vì sự đói khát, khi thân thể bị kiệt quệ tâm không được tập trung đúng đắn để diệt trừ các lậu hoặc. Tâu đại vương, trong bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, đức Bồ Tát đã theo đuổi sự chứng ngộ về bốn Chân Lý Cao Thượng ở những kiếp sống ấy. Vậy thì tại sao ở lân hiện hữu cuối cùng của vị ấy, kiếp sống của sự chứng ngộ, lại có sự mất mát về trí nhớ liên quan đến đạo lộ? Tâu đại vương, thêm nữa đức Bồ Tát đã có ý tưởng sanh khởi rằng: ‘Có thể có đạo lộ khác đưa đến giác ngộ?’ Tâu đại vương, quả là trước đây, đức Bồ Tát, vào lúc một tháng tuổi, ở nơi công trường của người cha và dòng Sakya, tại bóng mát của cây mận đỏ, tại chiếc giường lộng lẫy, đã ngồi, xếp chân vào thế kiết già, sau khi tách ly hẳn các dục, tách ly các bất thiện pháp, đạt đến và an trú sơ thiên, có tầm, có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly.”

“Thưa ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy. Trong khi làm chín mươi trí tuệ, đức Bồ Tát đã thực hiện việc hành khổ hạnh.”

### **Câu hỏi về việc hành khổ hạnh là thứ hai.**

\*\*\*\*\*